

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN C Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ C

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/02/2023

V/v “*Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vũ Linh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2/ Ông Phạm Văn Vĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Trương – Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 216/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lương Thị Tuyết L**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 93/3 đường Lý Thường Kiệt, khu vực Yên Bình, phường Lê Bình, quận C, thành phố C.

2. Bi đơn: Ông **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 93/3 đường L, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn bà Lương Thị Tuyết L trình bày và yêu cầu: Bà và ông Nguyễn Thành P tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống giữa bà với Ông P phát sinh mâu thuẫn do không tìm ra tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, thường xuyên cãi vã, không thể hàn gắn với nhau. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với Ông P.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà với Ông P có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuyết N (nữ) sinh ngày 05/10/2002 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống giữa bà với Ông P không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

* Bị đơn ông Nguyễn Thành P trình bày: Ông P thống nhất với phần trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như trên là đúng. Do quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L không có đăng ký kết hôn nên ông đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuyết N (nữ) sinh ngày 05/10/2002 (đã trưởng thành) nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với lời khai của bà L là trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ phần trình bày và yêu cầu của mình như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành P tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm không thể hòa hợp. Bà L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với Ông P, vụ việc được Tòa án nhân dân quận C thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy vào năm 1996 bà Lương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành P tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, trong khi Ông P và bà L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân của bà L và Ông P là không hợp pháp nên không được pháp luật điều chỉnh. Vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án trên, Tòa án không tiến hành hòa giải đối với quan hệ hôn nhân của ông, bà để đoàn tụ với nhau. Bà L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và trong quá trình giải quyết vụ án Ông P thống nhất với ý kiến này của bà L, cho nên Hội đồng xét xử nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L với Ông P là phù hợp.

- Về con chung: Bà L và Ông P khai thống nhất trong thời gian chung sống có 01 (một) con chung tên Nguyễn Tuyết N (nữ), sinh ngày 05/10/2002, do con chung là cháu Tuyết Như đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai thống nhất là trong thời gian chung sống hai người không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lương Thị Tuyết L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 235, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị Tuyết L và ông Nguyễn Thành P là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung là Nguyễn Tuyết N (nữ), sinh ngày 05/10/2002, do con chung là cháu Tuyết Như đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai thống nhất trong thời gian chung sống hai người không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có ai khởi kiện tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lương Thị Tuyết L nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Hạnh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008821 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C; bà L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm theo quy định./.

*** Nơi nhận:**

- TAND Tp.C;
- VKSND Q.C;
- Chi cục THADS Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vũ Linh